

REMINDER

UNIT 2B: SPORTS

VOCABULARY

Listen and repeat 3 times

SPORTS



 athletics /æθ'letiks/ Môn điền kinh 	 badminton /'bædmintən/ cầu lông 	 basketball /'ba:skitbɔ:l/ Bóng rổ 
 baseball /'beisbɔ:l/ Bóng chày 	 bowling / 'bəulɪŋ/ Môn Bô-linh 	 boxing / 'bɔksɪŋ/ Môn quyền Anh 
 cycling /saiklin/ đi xe đạp 	 diving /'daivɪŋ/ Môn lặn 	 football /futbɔ:l/ Bóng đá 

 golf / gɔlf / môn đánh gôn 	 judo /'dʒu:dou/ võ giu-dô; nhu đạo 	 karate /kə'ra:ti/ võ ka-ra-tê 
 rugby /rʌgbɪ/ bóng bầu dục 	 swimming /'swimɪŋ/ Môn bơi 	 skiing /'ski:ɪŋ/ Môn trượt tuyết (băng ván) 
 tennis / 'tenis / quần vợt 	 Volleyball / ˌvɔlibɔ:l / bóng chuyền 	 windsurfing / ˌwɪnd.sə:fɪŋ / môn lướt ván buồm 
 weight lifting /'weɪt liftiŋ/ môn cử tạ 	 yoga / 'jəugə/ môn dô-ga 	

LANGUAGE NOTES

Play/Go/ Do + sports

- **PLAY:** used for Team Sports (a sport where there are two or more teams), there is an opponent, you are fighting against someone and want to beat or win against the other person or another team.

Ex: play football, play tennis, play chess

- **DO:** used for Individual sports. Usually just one person, and involving self-discipline, like Martial Art.

Ex: Do judo, do yoga, do karate

- **GO:** used for sports that end in -ING and usually involves moving from one place to another.

Ex: Go running, go skiing, go windsurfing

Careful! There are exceptions for activities ending in -ing where you need the verb **do** instead of the verb **go**:

do fencing, do boxing, do weight-lifting.

Example:

- She is playing badminton.



- She does yoga every morning



- They are going skiing



PRACTICE

Listen and choose the correct picture



BẤM NÚT 'FINISH' ĐỂ NỘP BÀI NHÉ!